

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG BÁO
VỀ LỊCH THI KẾT THÚC HỌC PHẦN KHÓA ĐH14 - HỌC KỲ I - NĂM HỌC 2025 - 2026
(Áp dụng đối với sinh viên đại học chính quy khóa 14)

1. Thời gian thi:

Ca 1: 8h, Ca 2: 10h, Ca 3: 13h30, Ca 4: 15h30, Ca 5: 17h30.

2. Một số lưu ý:

- Căn cứ lịch thi kết thúc học phần, các khoa phân công giảng viên ra đề thi, coi thi, chấm thi.
- Khoa/ Bộ môn, Cố vấn học tập, Chủ nhiệm lớp có trách nhiệm thông báo lịch thi tới sinh viên
- Trước khi thi 03 ngày làm việc, sinh viên xem phòng thi, danh sách thi trên website Trường và cổng thông tin sinh viên.

3. Lịch thi :

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
1	QĐKQ116	Phong thủy trong bất động sản	ĐH14BDS	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	15/12/2025	Ca 1
2	QĐKQ116	Phong thủy trong bất động sản	ĐH14BDS	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	15/12/2025	Ca 1
3	MTQT153	Quản lý tài nguyên môi trường	ĐH14BDS	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	16/12/2025	Ca 1
4	MTQT153	Quản lý tài nguyên môi trường	ĐH14BDS	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	16/12/2025	Ca 1
5	KTKD169	Quản trị kinh doanh	ĐH14BDS	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	17/12/2025	Ca 1
6	KTKD169	Quản trị kinh doanh	ĐH14BDS	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	17/12/2025	Ca 1
7	KTKD194	Khởi tạo doanh nghiệp	ĐH14BDS	3	Tự Luận (90 phút)	A.201	18/12/2025	Ca 1
8	KTKD194	Khởi tạo doanh nghiệp	ĐH14BDS	3	Tự Luận (90 phút)	A.202	18/12/2025	Ca 1
9	ĐCQT104	Tinh thể - Khoáng vật học đại cương - Thực tập	ĐH14KĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.203	18/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
10	KVKT120	Máy khí tượng	ĐH14K	3	Vấn đáp	A.610	18/12/2025	Ca 3
11	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	18/12/2025	Ca 4
12	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	18/12/2025	Ca 4
13	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	18/12/2025	Ca 4
14	KTDL119	Văn hóa ẩm thực	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	18/12/2025	Ca 4
15	TBBV140	Bản đồ học	ĐH14BDS	3	Tự Luận (90 phút)	A.202	19/12/2025	Ca 1
16	TBBV140	Bản đồ học	ĐH14BDS	3	Tự Luận (90 phút)	A.203	19/12/2025	Ca 1
17	KĐHH104	Hóa học cơ sở trong địa chất	ĐH14KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	19/12/2025	Ca 1
18	KVKT153	Lập trình trong khí tượng	ĐH14K	3	Thực hành	A.801	19/12/2025	Ca 3 + Ca 4
19	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	19/12/2025	Ca 4
20	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	19/12/2025	Ca 4
21	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	19/12/2025	Ca 4
22	KTDL117	Tâm lý khách hàng du lịch	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	19/12/2025	Ca 4
23	QĐQB166	Quản lý nhà nước về bất động sản	ĐH14BDS	3	Tự Luận (90 phút)	A.202	22/12/2025	Ca 1
24	QĐQB166	Quản lý nhà nước về bất động sản	ĐH14BDS	3	Tự Luận (90 phút)	A.203	22/12/2025	Ca 1
25	TNTĐ134	Thủy địa hoá	ĐH14TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	22/12/2025	Ca 1
26	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14QTDL; QB	2	Thực hành	A.802	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
27	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14QTDL; QB	2	Thực hành	A.801	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
28	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14QTDL; QB	2	Thực hành	A.708	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
29	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14QTDL; QB	2	Thực hành	A.804	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
30	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14QTDL; QB	2	Thực hành	A.803	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
31	CTKU101	Tin học đại cương	ĐH14QTDL; QB	2	Thực hành	A.706	22/12/2025	Ca 1 + Ca 2
32	TBTĐ145	Hệ quy chiếu và hệ tọa độ trắc địa	ĐH14TĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	22/12/2025	Ca 2
33	TBTĐ145	Hệ quy chiếu và hệ tọa độ trắc địa	ĐH14TĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	22/12/2025	Ca 2
34	MTKA106	Các phương pháp bảo quản thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.206	22/12/2025	Ca 3
35	MTKA106	Các phương pháp bảo quản thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.208	22/12/2025	Ca 3
36	MTKA106	Các phương pháp bảo quản thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.210	22/12/2025	Ca 3
37	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	22/12/2025	Ca 3
38	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.110	22/12/2025	Ca 3
39	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.108	22/12/2025	Ca 3
40	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.105	22/12/2025	Ca 3
41	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.106	22/12/2025	Ca 3
42	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	22/12/2025	Ca 3
43	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	22/12/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
44	MTQT114	Kỹ năng nghiên cứu tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	22/12/2025	Ca 3
45	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	22/12/2025	Ca 3
46	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	22/12/2025	Ca 3
47	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	22/12/2025	Ca 3
48	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	22/12/2025	Ca 3
49	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	22/12/2025	Ca 3
50	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	22/12/2025	Ca 3
51	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.304	22/12/2025	Ca 3
52	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	22/12/2025	Ca 3
53	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	22/12/2025	Ca 3
54	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	22/12/2025	Ca 3
55	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	22/12/2025	Ca 3
56	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	22/12/2025	Ca 3
57	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	22/12/2025	Ca 3
58	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	22/12/2025	Ca 3
59	QĐKQ107	Quy hoạch sử dụng đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.301	22/12/2025	Ca 3
60	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	22/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
61	MTQT106	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ĐH14KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	22/12/2025	Ca 4
62	KTPT102	Lý thuyết truyền thông	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	22/12/2025	Ca 4
63	KTPT102	Lý thuyết truyền thông	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	22/12/2025	Ca 4
64	KTPT102	Lý thuyết truyền thông	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	22/12/2025	Ca 4
65	KTPT102	Lý thuyết truyền thông	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	22/12/2025	Ca 4
66	KTPT102	Lý thuyết truyền thông	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	22/12/2025	Ca 4
67	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	22/12/2025	Ca 4
68	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	22/12/2025	Ca 4
69	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	22/12/2025	Ca 4
70	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	22/12/2025	Ca 4
71	MTQT144	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH14SH	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	22/12/2025	Ca 4
72	KĐHH103	Hóa học ứng dụng	ĐH14QB	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	23/12/2025	Ca 1
73	QĐKQ122	Quy hoạch đô thị	ĐH14BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.203	23/12/2025	Ca 1
74	QĐKQ122	Quy hoạch đô thị	ĐH14BĐS	3	Tự Luận (90 phút)	A.204	23/12/2025	Ca 1
75	TNTM125	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	ĐH14TNN	3	Tự Luận (90 phút)	A.201	23/12/2025	Ca 1
76	MTKA144	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	23/12/2025	Ca 1
77	MTKA144	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	23/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
78	MTKA144	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	23/12/2025	Ca 1
79	MTKA144	Vi sinh vật kỹ thuật môi trường	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	23/12/2025	Ca 1
80	ĐCĐK103	Địa chất cấu tạo và đo vẽ bản đồ địa chất	ĐH14KĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.206	23/12/2025	Ca 1
81	KVTV104	Địa lý thủy văn	ĐH14T	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	23/12/2025	Ca 1
82	LCPL110	Luật Tổ tụng hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.208	23/12/2025	Ca 2
83	LCPL110	Luật Tổ tụng hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.301	23/12/2025	Ca 2
84	LCPL110	Luật Tổ tụng hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.210	23/12/2025	Ca 2
85	LCPL110	Luật Tổ tụng hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	23/12/2025	Ca 2
86	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	23/12/2025	Ca 2
87	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	23/12/2025	Ca 2
88	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	23/12/2025	Ca 2
89	KTKH144	Toán kinh doanh	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	23/12/2025	Ca 2
90	KTPT169	Tâm lý và hành vi khách hàng	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.304	23/12/2025	Ca 2
91	KTPT169	Tâm lý và hành vi khách hàng	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.308	23/12/2025	Ca 2
92	KTPT169	Tâm lý và hành vi khách hàng	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	23/12/2025	Ca 2
93	KTPT169	Tâm lý và hành vi khách hàng	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	23/12/2025	Ca 2
94	KTPT169	Tâm lý và hành vi khách hàng	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	23/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
95	TBTĐ152	Địa chính đại cương	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	23/12/2025	Ca 2
96	TBTĐ152	Địa chính đại cương	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	23/12/2025	Ca 2
97	MTCM169	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	23/12/2025	Ca 3
98	MTCM169	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	23/12/2025	Ca 3
99	MTCM169	Cơ sở thiết kế nhà máy thực phẩm	ĐH14ĐA	3	Tự Luận (90 phút)	A.306	23/12/2025	Ca 3
100	KVKT104	Khí tượng động lực 1	ĐH14K	2	Trắc Nghiệm	A.708	23/12/2025	Ca 3
101	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	23/12/2025	Ca 3
102	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	23/12/2025	Ca 3
103	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	23/12/2025	Ca 3
104	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	23/12/2025	Ca 3
105	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	23/12/2025	Ca 3
106	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	23/12/2025	Ca 3
107	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	23/12/2025	Ca 3
108	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	23/12/2025	Ca 3
109	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	23/12/2025	Ca 3
110	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	23/12/2025	Ca 3
111	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	23/12/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
112	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	23/12/2025	Ca 3
113	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	23/12/2025	Ca 3
114	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	23/12/2025	Ca 3
115	QĐKQ120	Đánh giá đất	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	23/12/2025	Ca 3
116	MTQT142	Công nghệ lên men	ĐH14SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	23/12/2025	Ca 4
117	KTKH105	Logistics căn bản	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.208	23/12/2025	Ca 4
118	KTKH105	Logistics căn bản	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.203	23/12/2025	Ca 4
119	KTKH105	Logistics căn bản	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.206	23/12/2025	Ca 4
120	KTKH105	Logistics căn bản	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.210	23/12/2025	Ca 4
121	MTQM155	Quản lý tài nguyên và môi trường	ĐH14KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.108	23/12/2025	Ca 4
122	MTQM155	Quản lý tài nguyên và môi trường	ĐH14KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.110	23/12/2025	Ca 4
123	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.103	23/12/2025	Ca 4
124	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.102	23/12/2025	Ca 4
125	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.105	23/12/2025	Ca 4
126	KTDL128	Quản trị kinh doanh khách sạn	ĐH14QTKS	3	Tự Luận (90 phút)	A.106	23/12/2025	Ca 4
127	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1001	23/12/2025	Ca 4
128	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1003	23/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
129	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1004	23/12/2025	Ca 4
130	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1006	23/12/2025	Ca 4
131	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1008	23/12/2025	Ca 4
132	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1010	23/12/2025	Ca 4
133	KTKE107	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.1002	23/12/2025	Ca 4
134	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.1010	23/12/2025	Ca 5
135	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.1001	23/12/2025	Ca 5
136	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.1002	23/12/2025	Ca 5
137	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.1003	23/12/2025	Ca 5
138	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.1008	23/12/2025	Ca 5
139	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	23/12/2025	Ca 5
140	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	23/12/2025	Ca 5
141	MTQT113	Điều tra đánh giá đa dạng sinh học	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	23/12/2025	Ca 5
142	TNTĐ109	Cơ sở về mạng lưới cấp, thoát nước	ĐH14TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	24/12/2025	Ca 1
143	LCPL103	Luật học so sánh	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	24/12/2025	Ca 1
144	LCPL103	Luật học so sánh	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	24/12/2025	Ca 1
145	LCPL103	Luật học so sánh	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	24/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
146	LCPL103	Luật học so sánh	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	24/12/2025	Ca 1
147	BKPB150	Phương pháp đánh giá tác động biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	24/12/2025	Ca 1
148	BKPB150	Phương pháp đánh giá tác động biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	24/12/2025	Ca 1
149	MTCM113	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	24/12/2025	Ca 1
150	MTCM113	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	24/12/2025	Ca 1
151	MTCM113	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	24/12/2025	Ca 1
152	MTCM113	Thiết bị truyền nhiệt và chuyển khối	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	24/12/2025	Ca 1
153	KVTV102	Thủy văn đại cương	ĐH14T	3	Trắc Nghiệm	A.708	24/12/2025	Ca 1
154	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14ĐA; QB; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	24/12/2025	Ca 1
155	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14ĐA; QB; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	24/12/2025	Ca 1
156	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14ĐA; QB; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	24/12/2025	Ca 1
157	KĐTO106	Xác suất thống kê	ĐH14ĐA; QB; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	24/12/2025	Ca 1
158	QĐCT110	Xã hội học đại cương	ĐH14BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	24/12/2025	Ca 1
159	QĐCT110	Xã hội học đại cương	ĐH14BĐS	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	24/12/2025	Ca 1
160	TBBV103	Hệ thống thông tin địa lý	ĐH14TĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	24/12/2025	Ca 2
161	TBBV103	Hệ thống thông tin địa lý	ĐH14TĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	24/12/2025	Ca 2
162	KTDL102	Điểm đến du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	24/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
163	KTDL102	Điểm đến du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	24/12/2025	Ca 2
164	KTDL102	Điểm đến du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	24/12/2025	Ca 2
165	KTDL102	Điểm đến du lịch	ĐH14QTDL	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	24/12/2025	Ca 2
166	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	24/12/2025	Ca 3
167	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	24/12/2025	Ca 3
168	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	24/12/2025	Ca 3
169	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	24/12/2025	Ca 3
170	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	24/12/2025	Ca 3
171	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	24/12/2025	Ca 3
172	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	24/12/2025	Ca 3
173	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	24/12/2025	Ca 3
174	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	24/12/2025	Ca 3
175	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	24/12/2025	Ca 3
176	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	24/12/2025	Ca 3
177	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	24/12/2025	Ca 3
178	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	24/12/2025	Ca 3
179	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	24/12/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
180	QĐQB104	Chính sách đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.305	24/12/2025	Ca 3
181	KVKT108	Thống kê trong khí tượng	ĐH14K	3	Trắc Nghiệm	A.706	24/12/2025	Ca 3
182	MTCM163	Quá trình và thiết bị Sinh học	ĐH14SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	24/12/2025	Ca 4
183	KTKT103	Quản trị tài chính	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	24/12/2025	Ca 4
184	KTKT103	Quản trị tài chính	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	24/12/2025	Ca 4
185	KTKT103	Quản trị tài chính	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	24/12/2025	Ca 4
186	KTKT103	Quản trị tài chính	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	24/12/2025	Ca 4
187	KTKT103	Quản trị tài chính	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	24/12/2025	Ca 4
188	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	24/12/2025	Ca 4
189	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	24/12/2025	Ca 4
190	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	24/12/2025	Ca 4
191	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	24/12/2025	Ca 4
192	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.204	24/12/2025	Ca 4
193	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.206	24/12/2025	Ca 4
194	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.208	24/12/2025	Ca 4
195	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	24/12/2025	Ca 4
196	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.202	24/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
197	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	24/12/2025	Ca 4
198	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.205	24/12/2025	Ca 4
199	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	24/12/2025	Ca 4
200	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	24/12/2025	Ca 4
201	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.301	24/12/2025	Ca 4
202	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	24/12/2025	Ca 4
203	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.308	24/12/2025	Ca 4
204	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	24/12/2025	Ca 4
205	KTKT108	Thị trường chứng khoán	ĐH14QTKS; MK; LQ; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	24/12/2025	Ca 4
206	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.108	24/12/2025	Ca 5
207	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1002	24/12/2025	Ca 5
208	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1003	24/12/2025	Ca 5
209	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1004	24/12/2025	Ca 5
210	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1006	24/12/2025	Ca 5
211	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1007	24/12/2025	Ca 5
212	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.105	24/12/2025	Ca 5
213	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.106	24/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
214	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1008	24/12/2025	Ca 5
215	MTQM157	Kinh tế tuần hoàn	ĐH14QM; KTTN	3	Tự Luận (90 phút)	A.1010	24/12/2025	Ca 5
216	LCPL109	Luật Hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	25/12/2025	Ca 1
217	LCPL109	Luật Hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	25/12/2025	Ca 1
218	LCPL109	Luật Hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	25/12/2025	Ca 1
219	LCPL109	Luật Hành chính	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	25/12/2025	Ca 1
220	KVTV103	Thủy lực đại cương	ĐH14T	3	Trắc Nghiệm	A.701	25/12/2025	Ca 1
221	BKPB107	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	25/12/2025	Ca 1
222	BKPB107	Tiếng Anh chuyên ngành	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	25/12/2025	Ca 1
223	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	25/12/2025	Ca 1
224	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	25/12/2025	Ca 1
225	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.103	25/12/2025	Ca 1
226	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	25/12/2025	Ca 1
227	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	25/12/2025	Ca 1
228	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	25/12/2025	Ca 1
229	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	25/12/2025	Ca 1
230	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	25/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
231	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	25/12/2025	Ca 1
232	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	25/12/2025	Ca 1
233	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	25/12/2025	Ca 1
234	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	25/12/2025	Ca 1
235	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	25/12/2025	Ca 1
236	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	25/12/2025	Ca 1
237	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	25/12/2025	Ca 1
238	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.102	25/12/2025	Ca 1
239	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	25/12/2025	Ca 1
240	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	25/12/2025	Ca 1
241	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.106	25/12/2025	Ca 1
242	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	25/12/2025	Ca 1
243	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	25/12/2025	Ca 1
244	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.110	25/12/2025	Ca 1
245	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	25/12/2025	Ca 1
246	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.1010	25/12/2025	Ca 1
247	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	25/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
248	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	25/12/2025	Ca 1
249	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	25/12/2025	Ca 1
250	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	ĐH14MK; QM; QĐ; KĐ	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	25/12/2025	Ca 1
251	KĐHH106	Địa lý kinh tế	ĐH14BĐS; KTTN; QB	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	25/12/2025	Ca 1
252	KĐHH106	Địa lý kinh tế	ĐH14BĐS; KTTN; QB	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	25/12/2025	Ca 1
253	KĐHH106	Địa lý kinh tế	ĐH14BĐS; KTTN; QB	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	25/12/2025	Ca 1
254	KĐHH106	Địa lý kinh tế	ĐH14BĐS; KTTN; QB	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	25/12/2025	Ca 1
255	TBTĐ146	Lý thuyết sai số	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	25/12/2025	Ca 2
256	TBTĐ146	Lý thuyết sai số	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	25/12/2025	Ca 2
257	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	25/12/2025	Ca 2
258	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	25/12/2025	Ca 2
259	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	25/12/2025	Ca 2
260	KTDL111	Quản lý nhà nước về du lịch	ĐH14QTDL	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	25/12/2025	Ca 2
261	NNTA121	Độc-Viết 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.308	25/12/2025	Ca 2
262	NNTA121	Độc-Viết 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.310	25/12/2025	Ca 2
263	NNTA121	Độc-Viết 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.401	25/12/2025	Ca 2
264	NNTA121	Độc-Viết 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.402	25/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
265	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	C.507	25/12/2025	Ca 3
266	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	C.501	25/12/2025	Ca 3
267	KTKD182	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	25/12/2025	Ca 3
268	KTKD182	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	25/12/2025	Ca 3
269	KTKD182	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	25/12/2025	Ca 3
270	KTKD182	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	25/12/2025	Ca 3
271	KTKD182	Hệ thống thông tin quản lý	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	25/12/2025	Ca 3
272	KVKT102	Khí tượng cơ sở 1	ĐH14K	3	Trắc Nghiệm	A.701	25/12/2025	Ca 3
273	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	25/12/2025	Ca 3
274	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	25/12/2025	Ca 3
275	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	25/12/2025	Ca 3
276	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	25/12/2025	Ca 3
277	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	25/12/2025	Ca 3
278	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	25/12/2025	Ca 3
279	KTKT101	Tài chính - tiền tệ	ĐH14KE	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	25/12/2025	Ca 3
280	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	C.501	25/12/2025	Ca 4
281	MTKA124	Hóa học phân tích	ĐH14M	3	Vấn đáp	C.507	25/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
282	MTQT149	Sinh lý vật nuôi, cây trồng	ĐH14SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	25/12/2025	Ca 4
283	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.305	25/12/2025	Ca 4
284	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.306	25/12/2025	Ca 4
285	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.308	25/12/2025	Ca 4
286	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	25/12/2025	Ca 4
287	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	25/12/2025	Ca 4
288	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	25/12/2025	Ca 4
289	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	25/12/2025	Ca 4
290	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	25/12/2025	Ca 4
291	CTKM111	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	25/12/2025	Ca 4
292	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.106	26/12/2025	Ca 1
293	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	26/12/2025	Ca 1
294	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	26/12/2025	Ca 1
295	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	26/12/2025	Ca 1
296	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.110	26/12/2025	Ca 1
297	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	26/12/2025	Ca 1
298	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	26/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
299	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	26/12/2025	Ca 1
300	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	26/12/2025	Ca 1
301	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	26/12/2025	Ca 1
302	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	26/12/2025	Ca 1
303	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	26/12/2025	Ca 1
304	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	26/12/2025	Ca 1
305	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	26/12/2025	Ca 1
306	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	26/12/2025	Ca 1
307	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	26/12/2025	Ca 1
308	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.102	26/12/2025	Ca 1
309	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	26/12/2025	Ca 1
310	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	26/12/2025	Ca 1
311	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	26/12/2025	Ca 1
312	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	26/12/2025	Ca 1
313	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	26/12/2025	Ca 1
314	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	26/12/2025	Ca 1
315	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	26/12/2025	Ca 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
316	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	26/12/2025	Ca 1
317	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.103	26/12/2025	Ca 1
318	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	26/12/2025	Ca 1
319	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	26/12/2025	Ca 1
320	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	26/12/2025	Ca 1
321	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	26/12/2025	Ca 1
322	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	26/12/2025	Ca 1
323	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	26/12/2025	Ca 1
324	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	26/12/2025	Ca 1
325	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	26/12/2025	Ca 1
326	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	26/12/2025	Ca 1
327	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	26/12/2025	Ca 1
328	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	26/12/2025	Ca 1
329	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	26/12/2025	Ca 2
330	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	26/12/2025	Ca 2
331	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	26/12/2025	Ca 2
332	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	26/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
333	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	26/12/2025	Ca 2
334	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.501	26/12/2025	Ca 2
335	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.203	26/12/2025	Ca 2
336	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	26/12/2025	Ca 2
337	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	26/12/2025	Ca 2
338	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	26/12/2025	Ca 2
339	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	26/12/2025	Ca 2
340	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	26/12/2025	Ca 2
341	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.502	26/12/2025	Ca 2
342	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.110	26/12/2025	Ca 2
343	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	26/12/2025	Ca 2
344	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.201	26/12/2025	Ca 2
345	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.503	26/12/2025	Ca 2
346	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	26/12/2025	Ca 2
347	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	26/12/2025	Ca 2
348	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	26/12/2025	Ca 2
349	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	26/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
350	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	26/12/2025	Ca 2
351	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	26/12/2025	Ca 2
352	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	26/12/2025	Ca 2
353	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	26/12/2025	Ca 2
354	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	26/12/2025	Ca 2
355	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	26/12/2025	Ca 2
356	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	26/12/2025	Ca 2
357	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	26/12/2025	Ca 2
358	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.205	26/12/2025	Ca 2
359	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	26/12/2025	Ca 2
360	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.204	26/12/2025	Ca 2
361	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	26/12/2025	Ca 2
362	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	26/12/2025	Ca 2
363	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	26/12/2025	Ca 2
364	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.202	26/12/2025	Ca 2
365	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH14	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	26/12/2025	Ca 2
366	MTKA180	Hóa sinh học thực phẩm	ĐH14ĐA	2	Thực hành	C.501	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
367	MTKA180	Hóa sinh học thực phẩm	ĐH14ĐA	2	Thực hành	C.507	26/12/2025	Ca 3 + Ca 4
368	KTPT101	Marketing căn bản	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	26/12/2025	Ca 4
369	KTPT101	Marketing căn bản	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	26/12/2025	Ca 4
370	KTPT101	Marketing căn bản	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	26/12/2025	Ca 4
371	KTPT101	Marketing căn bản	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	26/12/2025	Ca 4
372	KTPT101	Marketing căn bản	ĐH14MK	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	26/12/2025	Ca 4
373	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.808	27/12/2025	Ca 1
374	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.801	27/12/2025	Ca 1
375	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.701	27/12/2025	Ca 1
376	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.704	27/12/2025	Ca 1
377	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.708	27/12/2025	Ca 1
378	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.802	27/12/2025	Ca 1
379	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.804	27/12/2025	Ca 1
380	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.803	27/12/2025	Ca 1
381	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.706	27/12/2025	Ca 1
382	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.803	27/12/2025	Ca 2
383	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.708	27/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
384	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.706	27/12/2025	Ca 2
385	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.802	27/12/2025	Ca 2
386	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.701	27/12/2025	Ca 2
387	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.801	27/12/2025	Ca 2
388	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.808	27/12/2025	Ca 2
389	LCPL101	Pháp luật đại cương	ĐH14QTKS; NA; KE	2	Trắc Nghiệm	A.804	27/12/2025	Ca 2
390	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 1	3	Bài tập lớn	A.306	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
391	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 1	3	Bài tập lớn	A.308	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
392	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 1	3	Bài tập lớn	A.302	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
393	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 2	3	Bài tập lớn	A.303	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
394	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 2	3	Bài tập lớn	A.304	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
395	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 2	3	Bài tập lớn	A.305	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
396	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 3	3	Bài tập lớn	A.210	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
397	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 3	3	Bài tập lớn	A.206	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
398	CTKU102	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	ĐH14C- Lớp 3	3	Bài tập lớn	A.208	27/12/2025	Ca 3 + Ca 4
399	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	27/12/2025	Ca 3
400	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	27/12/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
401	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	27/12/2025	Ca 3
402	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	ĐH14LQ	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	27/12/2025	Ca 3
403	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	27/12/2025	Ca 3
404	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	27/12/2025	Ca 3
405	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	27/12/2025	Ca 3
406	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	27/12/2025	Ca 3
407	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	27/12/2025	Ca 3
408	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	27/12/2025	Ca 3
409	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	27/12/2025	Ca 3
410	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	27/12/2025	Ca 3
411	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	27/12/2025	Ca 3
412	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	27/12/2025	Ca 3
413	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	27/12/2025	Ca 3
414	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	27/12/2025	Ca 3
415	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	27/12/2025	Ca 3
416	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	27/12/2025	Ca 3
417	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	27/12/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
418	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	27/12/2025	Ca 3
419	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	27/12/2025	Ca 3
420	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	27/12/2025	Ca 3
421	KTKE101	Nguyên lý kế toán	ĐH14QTKD; MK; QTDL; KE	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	27/12/2025	Ca 3
422	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.610	27/12/2025	Ca 3
423	KĐVL108	Đại cương về khoa học trái đất	ĐH14KTTN	2	Tự Luận (60 phút)	A.608	27/12/2025	Ca 3
424	TNTĐ133	Dữ liệu không gian Tài nguyên nước	ĐH14KTTN	3	Bài tập lớn	A.202	29/12/2025	Ca 1
425	BKPB135	Ứng dụng phân tích không gian trong nghiên cứu biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Vấn đáp	A.605	29/12/2025	Ca 1
426	BKPB135	Ứng dụng phân tích không gian trong nghiên cứu biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Vấn đáp	A.606	29/12/2025	Ca 1
427	MTCM106	AI trong thiết kế CNMT	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	29/12/2025	Ca 2
428	MTCM106	AI trong thiết kế CNMT	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	29/12/2025	Ca 2
429	MTCM106	AI trong thiết kế CNMT	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	29/12/2025	Ca 2
430	MTCM106	AI trong thiết kế CNMT	ĐH14M	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	29/12/2025	Ca 2
431	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	29/12/2025	Ca 2
432	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.605	29/12/2025	Ca 2
433	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	29/12/2025	Ca 2
434	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	29/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
435	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.504	29/12/2025	Ca 2
436	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.505	29/12/2025	Ca 2
437	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.506	29/12/2025	Ca 2
438	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.508	29/12/2025	Ca 2
439	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.510	29/12/2025	Ca 2
440	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	29/12/2025	Ca 2
441	KTKH142	Chuyển đổi số tài nguyên và môi trường	ĐH14QTKD; LQ; ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	29/12/2025	Ca 2
442	TBBV125	Cơ sở viễn thám	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	29/12/2025	Ca 2
443	TBBV125	Cơ sở viễn thám	ĐH14TĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	29/12/2025	Ca 2
444	KBQB104	Cơ sở tài nguyên và môi trường biển	ĐH14QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	29/12/2025	Ca 3
445	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	29/12/2025	Ca 4
446	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	29/12/2025	Ca 4
447	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	29/12/2025	Ca 4
448	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	29/12/2025	Ca 4
449	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	29/12/2025	Ca 4
450	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	29/12/2025	Ca 4
451	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	29/12/2025	Ca 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
452	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	29/12/2025	Ca 4
453	CTKU135	Cơ sở dữ liệu	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	29/12/2025	Ca 4
454	MTKA129	Vật liệu sinh học	ĐH14SH	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	29/12/2025	Ca 4
455	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	29/12/2025	Ca 5
456	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.401	29/12/2025	Ca 5
457	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.402	29/12/2025	Ca 5
458	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.403	29/12/2025	Ca 5
459	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.404	29/12/2025	Ca 5
460	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.405	29/12/2025	Ca 5
461	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.406	29/12/2025	Ca 5
462	MTKA105	Hóa học môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.408	29/12/2025	Ca 5
463	NNTA175	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.305	29/12/2025	Ca 5
464	NNTA175	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.306	29/12/2025	Ca 5
465	NNTA175	Kỹ năng trả lời phỏng vấn tiếng Anh	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.308	29/12/2025	Ca 5
466	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	29/12/2025	Ca 5
467	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	29/12/2025	Ca 5
468	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	29/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
469	NNTA150	Tiếng anh chuyên ngành	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	29/12/2025	Ca 5
470	KVTV181	Thủy lực học	ĐH14TNN	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	30/12/2025	Ca 1
471	KVTV148	Tin học ứng dụng	ĐH14T	2	Thực hành	A.801	30/12/2025	Ca 1 + Ca 2
472	BKPB152	Đánh giá tác động biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	30/12/2025	Ca 1
473	BKPB152	Đánh giá tác động biến đổi khí hậu	ĐH14BK	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	30/12/2025	Ca 1
474	KBQB132	Kỹ năng nghề nghiệp trong quản lý biển	ĐH14QB	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	30/12/2025	Ca 3
475	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	30/12/2025	Ca 3
476	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	30/12/2025	Ca 3
477	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	30/12/2025	Ca 3
478	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	30/12/2025	Ca 3
479	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	30/12/2025	Ca 3
480	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	30/12/2025	Ca 3
481	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.306	30/12/2025	Ca 3
482	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.310	30/12/2025	Ca 3
483	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	30/12/2025	Ca 3
484	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	30/12/2025	Ca 3
485	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	30/12/2025	Ca 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
486	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	30/12/2025	Ca 3
487	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.303	30/12/2025	Ca 3
488	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	30/12/2025	Ca 3
489	QĐQB167	Quản lý nhà nước về đất đai	ĐH14QĐ	3	Tự Luận (90 phút)	A.302	30/12/2025	Ca 3
490	KĐVL105	Vật lý ứng dụng	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.206	30/12/2025	Ca 3
491	KĐVL105	Vật lý ứng dụng	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.208	30/12/2025	Ca 3
492	KĐVL105	Vật lý ứng dụng	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.210	30/12/2025	Ca 3
493	MTKA166	Hoá sinh	ĐH14SH	2	Tự Luận (60 phút)	A.606	30/12/2025	Ca 4
494	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.602	30/12/2025	Ca 5
495	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.603	30/12/2025	Ca 5
496	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.604	30/12/2025	Ca 5
497	LCML102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	ĐH14M	2	Tự Luận (60 phút)	A.601	30/12/2025	Ca 5
498	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.404	30/12/2025	Ca 5
499	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.405	30/12/2025	Ca 5
500	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.406	30/12/2025	Ca 5
501	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.408	30/12/2025	Ca 5
502	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.410	30/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
503	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.501	30/12/2025	Ca 5
504	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.502	30/12/2025	Ca 5
505	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.503	30/12/2025	Ca 5
506	CTKM136	Kiến trúc máy tính	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	30/12/2025	Ca 5
507	NNTA172	Kỹ năng thuyết trình	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.401	30/12/2025	Ca 5
508	NNTA172	Kỹ năng thuyết trình	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.402	30/12/2025	Ca 5
509	NNTA172	Kỹ năng thuyết trình	ĐH14NA	3	Tự Luận (90 phút)	A.403	30/12/2025	Ca 5
510	LCPL111	Luật Hình sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	30/12/2025	Ca 5
511	LCPL111	Luật Hình sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	30/12/2025	Ca 5
512	LCPL111	Luật Hình sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	30/12/2025	Ca 5
513	LCPL111	Luật Hình sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	30/12/2025	Ca 5
514	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.305	30/12/2025	Ca 5
515	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	30/12/2025	Ca 5
516	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	30/12/2025	Ca 5
517	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	30/12/2025	Ca 5
518	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.304	30/12/2025	Ca 5
519	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.306	30/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
520	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.308	30/12/2025	Ca 5
521	MTQM106	Quản lý môi trường	ĐH14QM	2	Tự Luận (60 phút)	A.310	30/12/2025	Ca 5
522	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.501	31/12/2025	Ca 1
523	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.502	31/12/2025	Ca 1
524	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.503	31/12/2025	Ca 1
525	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Tự Luận (90 phút)	A.504	31/12/2025	Ca 1
526	KVTV107	Thủy lực sông ngòi	ĐH14T	3	Trắc Nghiệm	A.708	31/12/2025	Ca 1
527	BKPB112	Tin học ứng dụng	ĐH14BK	3	Thực hành	A.801	31/12/2025	Ca 1 + Ca 2
528	BKPB112	Tin học ứng dụng	ĐH14BK	3	Thực hành	A.802	31/12/2025	Ca 1 + Ca 2
529	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.501	31/12/2025	Ca 2
530	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.502	31/12/2025	Ca 2
531	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.503	31/12/2025	Ca 2
532	NNTA120	Nghe-Nói 3	ĐH14NA	4	Vấn đáp	A.504	31/12/2025	Ca 2
533	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	31/12/2025	Ca 2
534	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	31/12/2025	Ca 2
535	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	31/12/2025	Ca 2
536	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	31/12/2025	Ca 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
537	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	ĐH14QTKD	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	31/12/2025	Ca 2
538	MTKA183	Dinh dưỡng học	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.301	31/12/2025	Ca 3
539	MTKA183	Dinh dưỡng học	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.302	31/12/2025	Ca 3
540	MTKA183	Dinh dưỡng học	ĐH14ĐA	2	Tự Luận (60 phút)	A.303	31/12/2025	Ca 3
541	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	31/12/2025	Ca 3
542	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	31/12/2025	Ca 3
543	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	31/12/2025	Ca 3
544	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	31/12/2025	Ca 3
545	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	31/12/2025	Ca 3
546	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	31/12/2025	Ca 3
547	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	31/12/2025	Ca 3
548	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	31/12/2025	Ca 3
549	CTKU142	Văn hóa số	ĐH14C	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	31/12/2025	Ca 3
550	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.506	31/12/2025	Ca 5
551	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.601	31/12/2025	Ca 5
552	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.504	31/12/2025	Ca 5
553	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.505	31/12/2025	Ca 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Lớp	Số TC	Hình thức thi	Phòng thi	Ngày thi	Ca thi
554	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.508	31/12/2025	Ca 5
555	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.602	31/12/2025	Ca 5
556	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.603	31/12/2025	Ca 5
557	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.604	31/12/2025	Ca 5
558	MTQM108	Hệ thống pháp luật về tài nguyên và môi trường	ĐH14QM	3	Tự Luận (90 phút)	A.510	31/12/2025	Ca 5
559	LCPL114	Luật Dân sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.605	31/12/2025	Ca 5
560	LCPL114	Luật Dân sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.608	31/12/2025	Ca 5
561	LCPL114	Luật Dân sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.610	31/12/2025	Ca 5
562	LCPL114	Luật Dân sự 1	ĐH14LA	3	Tự Luận (90 phút)	A.606	31/12/2025	Ca 5

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Phó Hiệu trưởng Vũ Danh Tuyên (để báo cáo);
- Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường;
- Công thông tin sinh viên;
- Lưu VT, ĐT.VA (2).

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

Lưu Văn Huyền